

## Tập 41

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang năm mươi một.

*(Sớ) Vị năng tự lợi, tiên năng lợi nhân giả, Bồ Tát phát tâm. Cố bất nhẫn độc thiện kỳ thân, tâm hoài kiêm lợi dã. Kiêm lợi chi đạo, hoằng pháp vi tiên. Nhi thử kinh chú sớ, kim đa mãn một, kê cổ vô diêu, tuy nhất nhị cần tồn, lược cử đại đoan, vị sớ quyết chỉ. Hoằng công giả, tức bất khả tư nghị công đức dã. Bất tri thử kinh cụ hữu như thị công đức, tác nghị nhi bất tín, tín diệc bất chân, Sớ Sao chi tác, bất dung dĩ dã.*

(疏)未能自利，先能利人者，菩薩發心。故不忍獨善其身，心懷兼利也。兼利之道，弘法為先。而此經註疏，今多泯沒，稽古無繇，雖一二僅存，略舉大端，未暢厥旨。宏功者，即不可思議功德也，不知此經具有如是功德，則疑而不信，信亦不真，疏鈔之作，不容已也。

*(Sớ: Chưa thể tự lợi mà đã có thể làm lợi cho người khác trước, đấy là Bồ Tát phát tâm. Vì thế, chẳng nỡ hưởng tốt lành cho riêng mình, nặng lòng toan làm lợi cho người khác. Đạo làm lợi cho người khác lấy hoằng pháp làm đầu; nhưng chú thích, sớ giải của kinh này nay phân nhiều đã thất lạc, không có cách nào tìm được [trọn vẹn]. Các bản chú giải cổ tuy hãy còn một hai bản, nhưng những bản ấy chỉ nêu đại lược đầu mối, chưa diễn giải thông suốt tông chỉ của kinh này. “Hoằng công” tức là công đức chẳng thể nghĩ bàn. Chẳng biết kinh này trọn đủ công đức như thế, sẽ nghi ngờ chẳng tin. Dẫu có tin thì cũng chẳng tin thật sự, nên tôi chẳng dặng đờng phải viết Sớ Sao).*

Đoạn này là trần thuật, Liên Trì đại sư tự nói rõ cặn kẽ nhân duyên soạn bộ Sớ Sao. Chúng ta phải chú trọng nghiên cứu đoạn này kỹ hơn, vì sao? Sợ hiểu lầm! “Vị năng tự lợi” (chưa thể tự lợi): Tự lợi là tự độ; như thế nào thì mới là tự lợi? Nhất định phải vãng sanh thì mới là tự lợi. Chưa vãng sanh thế giới Tây Phương, chẳng thể nói là đã thực hiện tự lợi! “Tiên năng lợi nhân” (có thể làm lợi cho người khác trước) là bỏ mình vì người, đó gọi là “Bồ Tát phát tâm”. Nay chúng ta chưa thể tự lợi, mà cũng phát tâm lợi người, thử hỏi chúng ta có phải là Bồ Tát hay không? Nếu chúng ta nghiên cứu, thảo luận vấn đề này, quý vị phải hiểu: Câu nào của Liên

Trì đại sư cũng là lời khiêm hư, khách sáo, chúng ta đừng tưởng lời khách sáo là thật! Ngài là bậc tái lai, Ngài nói “chưa thể tự lợi”, thì “tự lợi” chính là thành Phật, Ngài còn chưa thành Phật. Chưa thành Phật, nhưng có thể Ngài là bậc đại Bồ Tát tái lai. Lão nhân gia lui tới thế giới Tây Phương tự tại, còn chúng ta có làm được hay không? Chúng ta không có năng lực ấy. Do vậy, phải là như vậy thì mới gọi là “Bồ Tát phát tâm”, Ngài đã là Bồ Tát rồi!

Bồ Tát phát tâm, mức độ thấp nhất là Quyên Giáo Bồ Tát, tối thiểu cũng là Sơ Tín Bồ Tát trong địa vị Thập Tín, đây là cấp bậc thấp nhất. Năm mươi một cấp bậc Bồ Tát là Thập Tín, Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa, và Đẳng Giác. Địa vị Sơ Tín chưa thể tự lợi, họ phát tâm làm Bồ Tát. Nói theo Viên Giáo, địa vị Sơ Tín là địa vị như thế nào? Chúng ta phải hiểu rõ ràng. Theo cách phán giáo của tông Thiên Thai và tông Hiền Thủ, địa vị Sơ Tín trong Viên Giáo tương đương với Tiểu Thừa Sơ Quả Tu Đà Hoàn (Srotāpanna) trong Tạng Giáo. Tu Đà Hoàn đã đoạn hết tám mươi tám phẩm Kiến Hoặc trong tam giới, nhưng chưa đoạn Tư Hoặc. Đã đoạn hết Kiến Hoặc, tức là Thân Kiến, Biên Kiến, Kiến Thủ Kiến, Giới Thủ Kiến và Tà Kiến đều đoạn sạch. Chúng ta một phẩm [vô minh] chưa đoạn, là hạng phàm phu lè tè sát đất, muốn học đòi những vị Bồ Tát ấy phát tâm thì quá ư là khó! Nhưng quý vị phải hiểu rõ Lý, chính mình hãy tự cân nhắc trình độ của chính mình, quả thật có đủ [để học đòi hạnh Bồ Tát] hay không? [Nếu là] hạng người giống như đại sư thì không còn gì phải nói nữa, Ngài có thể! Do vậy, Ngài phát tâm viết bản chú giải này. Chúng ta phát tâm thì có thể viết được chú giải hay chẳng? Ngài phát tâm viết bộ chú giải này, chúng ta đọc còn chưa hiểu, nói gì tới viết! Do vậy, biết rằng: Chúng ta không có cách nào học theo hạng người như vậy, học không được! Nói thật ra, chúng ta cũng nên bắt chước tấm lòng từ bi của Bồ Tát. Nếu là người có lòng riêng tư, bản thân người ấy đã chứng địa vị Sơ Tín, vẫn mong đạt Nhị Tín, đạt đến Nhị Tín lại mong vượt lên một cấp cao hơn nữa là Tam Tín. Người ấy tạm thời đem chuyện nâng cao địa vị của chính mình gác qua một bên hông giúp đỡ hết thấy chúng sanh, đó gọi là “*Bồ Tát phát tâm*”. Đó là “*vị năng tự lợi, tiên năng lợi nhân*” (chưa thể tự lợi mà đã làm lợi người khác trước), nhưng chính mình đã có chỗ đặt chân vững vàng rồi!

Nói theo hiện thời, chẳng phải là chúng ta không thể học, hễ có bản lãnh ấy thì có thể học theo [các vị Bồ Tát], nhưng bản lãnh tối thiểu là chúng ta niệm Phật đến mức công phu thành phiến. Nói cách khác, chúng ta có tư cách đối nghiệp vãng sanh, sanh vào cõi Phạm Thánh Đồng Cư,

dầu chỉ Hạ Phẩm Hạ Sanh vẫn được! Ta có thể nắm chắc điều này, ta chẳng cầu Thượng Phẩm Thượng Sanh, ta chẳng cầu tăng cao phẩm vị, ta nhằm lợi ích chúng sanh, giúp đỡ mọi người, vậy là cũng có thể nói “*vì năng tự lợi, tiên năng lợi nhân*” (chưa thể tự lợi, mà đã có thể lợi người trước). Đây là Bồ Tát phát tâm. Nếu ngay cả Hạ Phẩm Hạ Sanh trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư mà quý vị chẳng nắm chắc, quý vị chẳng thể phát cái tâm ấy, quý vị chẳng thể làm chuyện này! Chúng ta cần phải biết điều này, hễ chính mình đạt đến trình độ ấy thì hãy phát tâm, hãy nên giúp đỡ mọi người.

“*Có bất nhân độc thiện kỳ thân*” (vì thế, chẳng nở hưởng tốt lành cho riêng mình): Chính mình thật sự đạt được chỗ tốt lành và đạt được lợi ích trong Phật môn, muốn cho hết thảy chúng sanh cùng hưởng lợi ích và những điều tốt đẹp ấy, đó là [tâm hạnh của] Bồ Tát, tuyệt đối chớ nên hưởng riêng mình. “*Tâm hoài kiêm lợi*”: Kiêm lợi là muốn tạo lợi ích cho người khác. Bản thân tôi đã đạt được điều tốt đẹp nơi pháp môn này, cũng muốn làm cho người khác được hưởng sự tốt đẹp ấy. Nói tới kiêm lợi thì quan trọng nhất là hoằng pháp, đem pháp môn này giới thiệu với người khác. Chúng ta đạt được lợi ích nơi pháp môn này, nhưng người khác hoặc là đã học Phật, hoặc là chưa học Phật, hay người đã học Phật nhưng học các pháp môn khác, chúng ta thấy họ chẳng dễ gì đạt được lợi ích thật sự. Nói cách khác, họ chưa thể liễu sanh tử, thoát tam giới, chưa đạt được lợi ích chân chánh ấy. Chúng ta giới thiệu pháp môn này với họ, đó là “*hoằng pháp*”. “*Kiêm lợi chi đạo*”: “*Đạo*” (道) là phương pháp, phương pháp lợi ích chúng sanh này lấy hoằng pháp làm đầu.

Sát nghiệp của Đài Loan quá nặng! Mỗi năm giết những động vật như lợn, bò, dê, gà, vịt, tính theo tỷ lệ thống kê dân số thì cao nhất thế giới, nhưng người Đài Loan tu phước nơi cửa Phật cũng đứng đầu thế giới. Bất quá là tu phước bao nhiêu năm, nhưng tu tạp, tu loạn. Giảng kinh là chuyện tốt đẹp! In kinh, in tạo hình Phật để lưu thông, cũng là chuyện tốt; nhưng giảng kinh có khi chẳng phải là giảng kinh Phật giáo, trong ấy cũng có khi kinh Phật giáo bị giảng thành pháp ngoại đạo! Đây là chẳng thuận, vừa tạp vừa loạn! In kinh cũng giống như vậy, tuy là kinh Phật, dù cho là kinh điển lấy từ Đại Tạng Kinh, nhưng quý vị phải biết: Kinh điển trong Đại Tạng Kinh nhiều đến mấy ngàn bộ, có những kinh thích hợp với cuộc sống của con người hiện đại chúng ta, chúng ta học những kinh ấy quả thật hữu dụng, nhưng phần lớn [những kinh khác] không vận dụng vào thời đại hiện tại được. Nếu quý vị in ra để lưu thông, chẳng có ý nghĩa gì hết! Đó gọi là “*ứng bệnh dữ dược*” (theo đúng căn bệnh mà cho thuốc).

Con người hiện thời đang bị bệnh, nếu quý vị dâng lên họ loại thuốc phù hợp chứng bệnh, thuốc ấy sẽ cứu được mọi người. Nếu đưa ra nhiều loại thuốc quý nổi tiếng, nhưng không hợp với chứng bệnh thì tặng món thuốc ấy có ích gì hay chẳng? Vô ích!

Quý vị phải biết: Đại Tạng Kinh là thuốc; nhằm chữa bệnh cho hết thảy chúng sanh trong thuở ấy nên đức Phật nói ra, có những thứ thích hợp với thời đại của chúng ta, có những thứ chẳng phù hợp thời đại. Do vậy, in kinh phải chọn lựa, nhất định phải chọn lựa thận trọng. Chẳng những phải chọn lựa kinh, mà chú giải cũng phải chọn lựa. Thông thường, những kinh luận trọng yếu được mọi người đọc tụng đã qua nhiều đời như kinh Kim Cang, kinh Lăng Nghiêm, kinh Pháp Hoa, đó là những bản kinh lưu truyền phổ biến được người Hoa ưa thích. Nói chung, từ xưa đến nay có hơn một trăm vị cô đức chú giải những kinh điển ấy, chúng ta có thể thấy điều này qua Đại Tạng Kinh. Chú giải nhiều ngàn ấy, mỗi một vị chú giải phát biểu kiến giải tâm đắc của chính mình, rốt cuộc những thứ ấy có ích cho chúng ta hay không? Rất khó nói! Do vậy, chọn lựa những bản chú giải cũng là một môn đại học vấn.

Trong những năm qua, những sách do Đồ Thư Quán của chúng ta ấn hành đều do tôi chọn lựa cẩn thận. Chú giải của người hiện thời tuy viết bằng văn Bạch Thoại, nhưng kiến giải chưa thấu triệt, chưa viên mãn, cũng có chỗ còn giải thích lệch lạc, hiểu lầm ý nghĩa kinh. Do vậy, tôi rất ít in những trước tác của người hiện thời. Tôi luôn chọn lựa những bản chú giải cổ, những bản được chọn đều là những chú giải đầy thẩm quyền được mọi người công nhận, tức là những bản chú giải hay nhất. Tuy Văn Ngôn khó hơn [văn Bạch Thoại] một chút, nhưng nếu quý vị đọc quen sẽ thấy chẳng khó, quý vị đọc sẽ hiểu được. Có rất nhiều vị cư sĩ chẳng biết chữ, chưa từng đi học, nhưng có thể tụng kinh, hễ đổi sang sách khác họ sẽ không đọc được. Đó là “có cảm ứng”. Do vậy, nếu chúng ta thường đọc kinh, thường xem chú giải, xem dăm ba năm, quý vị sẽ tự nhiên thông đạt, chẳng thấy khó khăn gì nữa! Trong ấy có cảm ứng, chính quý vị đừng sợ, phải có tín tâm!

In kinh cũng là một mắt xích trọng yếu trong hoàng pháp. Hiện thời có thể nói là chúng ta có quan hệ rất mật thiết với Phật giáo quốc tế. Những kinh điển của chúng ta in, chẳng phải chỉ giảng ở Đài Loan mà chúng tôi còn giảng ở ngoại quốc, công đức ấy càng lớn hơn. Chúng tôi không chỉ in sách cho người ta xem, mà còn giảng những thứ đã in, đồng thời còn nhờ vào những phương tiện khoa học hiện thời, mỗi lần chúng tôi giảng đều thâm âm lưu lại, cũng có băng thâu hình, những thứ này cũng được

lưu thông rộng rãi. Người ta lấy sách còn có thể lấy thêm băng thâu âm, giống như đến nghe trong giảng đường vậy. Do vậy, nay chúng tôi giảng kinh ở chỗ này, thính chúng tuyệt đối không chỉ là ngàn này người đang ngồi ở nơi đây. Vì sao? Băng thâu âm của chúng tôi lưu thông trong ngoài nước, bản kinh này cũng được lưu thông trong ngoài nước, không biết có bao nhiêu người đọc, bao nhiêu người nghe? Điều này cũng khích lệ chúng ta phải phát tâm hoằng pháp.

Tự mình đọc tụng, y giáo phụng hành, có thể ảnh hưởng tới người khác, đó là hoằng pháp. Chính mình phát tâm giảng kinh là hoằng pháp, giống như Liên Trì đại sư phát tâm soạn chú giải, dùng văn tự để lưu thông, đây cũng là hoằng pháp. Hiện thời lại còn có nhiều hình thức hơn, quý vị phát tâm thâu hình, thâu âm, lưu thông băng thâu hình và băng thâu âm, đó cũng là hoằng pháp. Do vậy, phương pháp hoằng pháp hết sức nhiều! Quý vị giới thiệu thân thích, bằng hữu nghe kinh, giới thiệu kinh cho họ đọc, [những chuyện đó] đều là hoằng pháp. Đây là nói “*hoằng pháp vi tiên*” (hoằng pháp đứng đầu). Trong kinh Kim Cang đã so sánh công đức, nói: Pháp Bồ Thí là cao nhất, dùng bảy báu đầy ấp đại thiên thế giới để bố thí, vẫn chẳng bằng công đức diễn nói cho người khác nghe bốn câu kệ trong kinh điển. Điều này có cùng một ý nghĩa với lời Liên Trì đại sư đã nói ở đây: “*Kiên lợi chi đạo, hoằng pháp vi tiên*” (đạo làm lợi cho người khác thì hoằng pháp đứng đầu).

“*Thử kinh chú sớ, kim đã mẫn một*” (chú thích, sớ giải của kinh này nay phần nhiều đã thất lạc): Từ xưa đến nay có nhiều bản chú giải bị thất lạc, có rất nhiều bản tàn khuyết không trọn vẹn. Tuy có một vài bản hoàn chỉnh, nhưng văn tự giản lược, ý nghĩa quá sâu, chẳng thuận tiện cho kẻ sơ học, chẳng có cách nào khơi gợi, phát khởi lòng tin của người ta được. Dựa trên lý do này, Liên Trì đại sư cảm thấy chẳng thể không viết Sớ Sao. Do vậy, những lời nói trong đoạn tiếp theo đó [của lời Tựa] đặc biệt chỉ ra công đức chẳng thể nghĩ bàn của bộ kinh này. “*Hoằng công*” là công đức chẳng thể nghĩ bàn.

**(Diễn) Bất khả tư nghị, bất xuất y chánh nhân quả.**

**(演) 不可思議，不出依正因果。**

**(Diễn):** “*Chẳng thể nghĩ bàn*” chẳng ra ngoài y báo, chánh báo và nhân quả).

“Y” (依) là y báo của Tây Phương Cực Lạc thế giới, tức là hoàn cảnh. Chánh báo là thân thể quý vị sẽ có khi đến nơi ấy, liên hoa hóa sanh!

Chẳng giống như trong thế giới này, thân thể này là cái thân xác thịt do cha mẹ sanh ra. Nhục thân này có sanh, lão, bệnh, tử, thân trong Tây Phương Cực Lạc thế giới là liên hoa hóa sanh, không có sanh, lão, bệnh, tử, không có những nỗi khổ ấy, sự thù thắng nơi hoàn cảnh y báo càng chẳng cần phải nói nữa! Quý vị có thể đọc kinh Hoa Nghiêm. Cổ nhân nói: “*Chẳng đọc kinh Hoa Nghiêm, chẳng biết sự phú quý trong nhà Phật*”. Sự phú quý của người học Phật, các thứ trang nghiêm như trong kinh Hoa Nghiêm đã diễn tả chính là sự trang nghiêm nơi Tây Phương Cực Lạc thế giới. Tiếp theo đó, sách nói rõ về y báo, chánh báo và nhân quả.

**(Diễn) Y tắc Đồng Cư tức Tịch Quang.**

**(演) 依則同居即寂光。**

**(Diễn: Y báo thì cõi Đồng Cư chính là cõi Tịch Quang).**

Điều này chẳng thể nghĩ bàn! Chúng ta vãng sanh, năng lực của chúng ta chỉ có thể sanh vào cõi Đồng Cư, tức là đời nghiệp vãng sanh. Chúng ta chỉ có bản lãnh này. Trong đời này, sợ rằng chúng ta không thể niệm đạt đến mức Lý nhất tâm hay Sự nhất tâm, những người làm được như vậy vô cùng ít, đó chẳng phải là chuyện kẻ tầm thường có thể làm được. Niệm đến mức công phu thành phiền, đời nghiệp vãng sanh, ai cũng có phần, đây chính là như Vĩnh Minh đại sư đã nói: “*Vạn người tu, vạn người đến*”, chẳng sót một ai! Thế nhưng chỗ chẳng thể nghĩ bàn là cõi Đồng Cư chính là cõi Thường Tịch Quang, điều này chẳng thể nghĩ bàn! Cõi Thường Tịch Quang là cõi Tịnh Độ cao nhất, thù thắng nhất. Lý nhất tâm bất loạn Thượng Phẩm Thượng Sanh mới sanh vào Thường Tịch Quang Tịnh Độ; nhưng nơi này rất đặc biệt, đời nghiệp vãng sanh Hạ Phẩm Hạ Sanh trong cõi Đồng Cư sẽ hưởng thụ hoàn cảnh y báo hết như cõi Thường Tịch Quang. Kiểm khắp Đại Tạng Kinh, quý vị cũng không tìm thấy cách nói như thế ấy [khi giảng về các cõi Phật khác], chỉ riêng Tây Phương Cực Lạc thế giới A Di Đà Phật là có loại Tịnh Độ này. Mười phương đều có các thế giới của chư Phật, nhưng chẳng khuyên quý vị vãng sanh các cõi Phật ấy, mà cứ khăng khăng khuyên quý vị vãng sanh Tây Phương Tịnh Độ là do điều tốt lành này. Thích Ca Mâu Ni Phật và mười phương chư Phật tuyệt đối chẳng gạt gẫm chúng ta.

**(Diễn) Chánh tắc Ứng Hóa tức Pháp Thân.**

**(演) 正則應化即法身。**

**(Diễn: Chánh báo thì Ứng Thân và Hóa Thân chính là Pháp Thân).**

Di Đà, Quán Âm, Thế Chí, Văn Thù, Phổ Hiền, Di Lặc đều ở trong Tây Phương Cực Lạc thế giới. Các Ngài có Hóa Thân và Ứng Thân. Ứng Thân và Hóa Thân cũng là Pháp Thân [lưu lộ ra], do vậy nói “*nhất Thế tam thân*”, chẳng thể nghĩ bàn! Y báo chẳng thể nghĩ bàn, chánh báo chẳng thể nghĩ bàn, Phật, Bồ Tát là như thế, bản thân chúng ta sanh về nơi ấy cũng giống như thế, màu nhiệm là màu nhiệm ở chỗ này! Chúng ta tu các pháp môn khác, chứng Pháp Thân chẳng dễ dàng, vì sao? Dựa trên các pháp môn theo đường lối thông thường để nói, nhất định phải phá một phẩm vô minh mới thấy một phần Pháp Thân. Quý vị chẳng phá vô minh, không có cách nào chứng đắc Pháp Thân! Trước khi phá vô minh, nhất định phải đoạn Kiến Tư phiền não và đoạn Trần Sa phiền não. Sau đây mới có năng lực phá vô minh, đây cũng chẳng phải là chuyện chúng sanh trong thời đại này dễ dàng thực hiện được! Trong ngàn vạn người, khó có được một người! Cũng có khi tìm chẳng được một người nào, quá ư là khó! Vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, chỉ cần đến được nơi đó liền chứng Pháp Thân, thật sự chẳng thể nghĩ bàn!

***(Diễn) Nhân tức thất nhật tiện đắc công thành.***

**(演) 因則七日便得功成。**

***(Diễn: Nhân thì bảy ngày liền được thành công).***

Tu pháp môn này, phải tu bao lâu? Trong kinh, đức Phật thường nói: Phàm phu từ sơ học cho đến khi thành Phật phải tu ba đại A-tăng-kỳ kiếp mới có thể thành Phật. Thành vị Phật gì vậy? Thành Tạng Giáo Phật! [Quả vị] Phật có Tạng, Thông, Biệt, Viên. Vị Phật do ba đại A-tăng-kỳ kiếp tu thành là Tạng Giáo Phật. Hết thầy các kinh Tiểu Thừa đã nói như vậy. Viên Giáo Phật như kinh Hoa Nghiêm đã nói thì phải mất vô lượng A-tăng-kỳ kiếp mới tu thành, nhưng trong Tây Phương Tịnh Độ chỉ có bảy ngày. Bảy ngày bèn thành công! Trong pháp môn Niệm Phật, đả Phật Thất chính là [làm theo lời] kinh dạy: “*Nhược nhất nhật, nhược nhị nhật*” (hoặc một ngày, hoặc hai ngày) cho đến “*nhược thất nhật*” (hoặc bảy ngày). Bảy ngày thành công mang ý nghĩa “*án định thời hạn để mong chứng đắc*”.

Cũng có các vị chẳng tin tưởng! Quý vị cũng đả Phật Thất không ít lần; kết quả chỉ sợ là sau khi đả Phật Thất, phiền não càng nhiều hơn, nghiệp chướng tập khí càng nặng hơn, ngay cả tin tức cũng chẳng có. Do vậy, quý vị chẳng tin tưởng. Vì sao bảy ngày chẳng đạt hiệu quả? Thừa

cùng quý vị, do quý vị niệm Phật chẳng đúng cách, nên quý vị niệm mà chẳng đạt hiệu quả, chẳng thể thành công! Nếu thật sự là một đạo tràng đúng pháp, treo chiêu bài đả Phật Thát “*bảy ngày liền vãng sanh*”, tôi tin là quý vị cũng tuyệt đối chẳng đến tham dự! Đến nơi ấy, tu bảy ngày xong phải chết mất rồi, làm sao có thể đến được? Chẳng thể đến được! Đủ thấy quý vị đả Phật Thát là “miệng có, tâm không”, về căn bản chẳng mong vãng sanh! Lòng tin chẳng thật, nguyện chẳng thiết tha, niệm cũng chẳng đúng pháp, làm sao có thể thành công? Nếu ba điều kiện Tín - Nguyện - Hạnh của pháp môn này đều đúng pháp, bảy ngày sẽ thành công. Không riêng gì tổ sư Tịnh Độ Tông nói như thế, mà những vị đại đức trong các tông phái khác cũng nói như vậy. Chúng ta đọc cuốn Di Đà Kinh Thông Tán Sớ của Khuy Cơ đại sư, Ngài thuộc Pháp Tướng Tông, trong lời tựa của bản chú giải ấy, Ngài tán thán pháp môn này đến cùng cực, nhận định pháp môn này là “*chí viên, chí đốn*” và cũng tán thán kinh này: “*Bảy ngày thành công, không có pháp môn nào nhanh chóng hơn!*”

Nếu chúng ta hỏi: Trong bảy ngày có thể thành công, vậy thì trong quá khứ có ai làm được hay chẳng? Quý vị đọc Tịnh Độ Thánh Hiền Lục, Vãng Sanh Truyện, [sẽ thấy] thật sự có! Trong tâm chúng ta mong tưởng cầu sanh Tây Phương Tịnh Độ, nhưng chẳng mong đi ngay trong hiện tại. Nếu A Di Đà Phật hiện đến, chúng ta sẽ kéo nài, mặc cả với A Di Đà Phật: “Con còn phải sống mấy năm nữa, đợi khi con sống đủ tuổi thọ rồi sẽ đi”. Tâm ấy chẳng chân thành. Phật Thát hiện thời chỉ là thừa dịp bồi dưỡng tập quán niệm Phật, trừ điều này ra, thứ gì cũng chẳng thể đạt được!

Trong quá khứ tôi ở Đài Trung, thầy Lý bảo tôi: Thật sự đả Phật Thát thì số người [tham dự] nhất định chẳng thể vượt quá mười người. Hơn mười người, Chủ Thát Sư chẳng đủ tinh thần để chiếu cố trọn hết. Giống như thầy giáo dạy học sinh trong nhà trường, lớp ít học sinh, chỉ có từ mười mấy em đến hai mươi em, thầy có thể dốc trọn tinh thần vào từng em học sinh, đương nhiên học vấn của những học sinh ấy sẽ tốt đẹp. Nếu học sinh trong lớp là sáu chục, bảy chục, tám chục em, thầy đâu có đủ tinh thần! Chấm bài tập, quẹt một cái là xong, vì sao? Không có thời gian đọc! Do vậy, hiện thời rất nhiều học sinh trong trường làm bài tập, thầy chưa hề sửa lỗi. Chẳng giống như chúng tôi thuở trước! Thuở xưa, khi chúng tôi đi học, nói tới bài tập làm văn, thầy không chỉ sửa lỗi mà còn đến trước mặt chúng tôi chỉ dạy, giảng giải từng câu: Vì sao thầy phải sửa theo cách như vậy? Giảng cho chúng tôi nghe. Vì sao? Học trò ít! Chỉ có mười mấy đứa, thầy có thời gian. Năm sáu chục đứa học trò thì thầy không có cách

nào hết! Do vậy, Phật Thất chẳng thể hơn mười người, đó gọi là thật sự dụng công tu đạo.

Đồng thời, tôi cảm thấy nếu đã Phật Thất thì tốt nhất là trước hết phải nghiên cứu thảo luận kinh Di Đà kỹ càng một phen, giống như giảng giải tỉ mỉ sách Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa một lượt. Giảng xong chúng ta mới cử hành Phật Thất, hoặc mở liên tiếp bảy Phật Thất. Lý luận, phương pháp và cảnh giới đều hiểu rõ, nay chúng ta thực hành, chúng ta thực hiện. Phật Thất giống như đi thi, không học mà bắt đi thi thì thi cái gì? Đương nhiên lãnh zéro. Do vậy, trước hết nhất định phải giảng kinh, rồi mới tổ chức Phật Thất. Cách này khá đúng pháp, bảy ngày liền thành công, đó là nói về Nhân.

**(Diễn) Quả tức nhất sanh tiện tức Bất Thoái.**

**(演) 果則一生便即不退。**

**(Diễn: Quả thì hề vãng sanh liền Bất Thoái).**

Điều này cũng chẳng thể nghĩ bàn! Kinh nói: Vãng sanh liền viên chứng ba thứ Bất Thoái, tức Vị Bất Thoái, Hạnh Bất Thoái, và Niệm Bất Thoái. Nếu chiếu theo đường lối thông thường để luận định thì Tiểu Thừa Tu Đà Hoàn mới là Vị Bất Thoái, tuyệt đối chẳng đọa trong tam ác đạo, bảy lần sanh trong cõi trời và nhân gian mới chứng quả A La Hán, đó là Vị Bất Thoái. Hạnh Bất Thoái công phu càng cao hơn nữa, phải chứng từ A La Hán trở lên mới là Hạnh Bất Thoái. Dù thấy đắc Tu Đà Hoàn thì Vị Bất Thoái, nhưng Hạnh có thể lui sụt, mà Niệm cũng có thể thoái chuyển. Còn như A La Hán là Vị Bất Thoái và Hạnh Bất Thoái, nhưng Niệm có thể thoái chuyển. Mức độ thấp nhất là Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo cũng như Sơ Địa Bồ Tát trong Biệt Giáo mới thật sự là Vị Bất Thoái, Hạnh Bất Thoái, Niệm Bất Thoái, ba thứ chẳng thoái chuyển. Tuy chứng ba thứ Bất Thoái, nhưng chẳng viên mãn, chưa phải là viên chứng (chứng đắc viên mãn). Ai viên chứng ba thứ Bất Thoái? Thấp nhất cũng phải là Thập Địa tức Pháp Vân Địa Bồ Tát hay Đẳng Giác Bồ Tát thì mới kể là viên chứng ba thứ Bất Thoái. Chẳng vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới thì thôi, hề vãng sanh thì dầu là Hạ Phẩm Hạ Sanh trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư, người ấy cũng viên chứng ba thứ Bất Thoái. Ở đây có nghĩa là: Quý vị đến nơi ấy, dầu là phàm phu trong loài người, mang thân phàm trời người, nhưng bằng với Đẳng Giác Bồ Tát, bằng với Thập Địa Bồ Tát, điều này chẳng thể nghĩ bàn! Tuần sau là Đại Chuyên Giảng Tòa, chúng tôi sẽ giảng Phổ Hiền Hạnh Nguyện Phẩm và Di Đà Kinh Đại Ý, tôi sẽ giảng

tường tận cho quý vị ba thứ Bất Thoái và cảnh giới trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư của Tây Phương Cực Lạc thế giới. Nếu quý vị thật sự hiểu rõ, quý vị mới biết pháp môn này chẳng thể không tu. Hết thấy các kinh chúng ta đều có thể cột lại, cất trên gác cao, bỏ qua một bên, nhưng bộ kinh và bản chú giải này chẳng thể không đọc. Do vậy, chúng ta lưu thông bộ kinh diễn này có vô lượng vô biên công đức.

**(Diễn) Hà khả tư nghị?**

**(演) 何可思議。**

**(Diễn: Sao có thể nghĩ bàn được?)**

“*Hà khả tư nghị*”: Chẳng thể nghĩ bàn được! Bốn chuyện sau đây đều chẳng thể nghĩ bàn: Y báo chẳng thể nghĩ bàn, chánh báo chẳng thể nghĩ bàn, nhân chẳng thể nghĩ bàn, quả chẳng thể nghĩ bàn, hoàn toàn tương ứng với tựa đề gốc của kinh này, đó là công đức chẳng thể nghĩ bàn.

“*Bất tri thử kinh cụ hữu như thị công đức*” (Chẳng biết kinh này trọn đủ công đức như thế), nói thật ra, người không biết quá nhiều, thật là đáng tiếc! Pháp môn thù thắng như thế ở ngay trước mặt mà bỏ lỡ. “*Nghi nhi bất tín*” (nghĩ ngờ chẳng tin): Hiện thời tuy Phật giáo rất phổ biến, bao nhiêu người học Thiên? Bao nhiêu người học Mật? Những tệ trạng trong Thiên chẳng ít, trong Mật lại càng nhiều hơn! So ra, Mật còn có lắm tệ trạng hơn Thiên. Vì sao? Có nhiều thứ giả vờ là Mật, yêu ma, quỷ quái, hoàn toàn dùng phù chú, thần thông để lừa gạt người ta ở khắp mọi nơi. Những người bị lờng gạt quá nhiều! Họ chẳng tin tưởng pháp môn Niệm Phật mà tin vào những thứ ấy.

“*Tin diệc bất chân*” (lòng tin cũng chẳng thật): Đây là nói về tu pháp môn Tịnh Độ. Tại Đài Loan, pháp môn Tịnh Độ rất thịnh hành, rất nhiều nơi thường xuyên đả Phật Thát, đương nhiên họ tin [pháp môn] này; nếu chẳng tin, sẽ không thể tham gia Phật Thát, nhưng tin như thế nào? Không chân thật! Do vậy, chẳng đạt được hiệu quả. Lòng tin cũng không chân thật, vì sao không chân thật? Chưa thấu triệt lý luận, chẳng thật sự hiểu rõ công đức lợi ích của pháp môn này. Do vậy, “*Sớ Sao chi tác bất dung dĩ dã*” (chẳng đáng dùng phải viết Sớ Sao), Liên Trì đại sư nói Ngài chẳng thể không viết bản chú giải này, đó là chuyện tất yếu phải làm. Mục đích soạn bộ Sớ Sao này là làm cho người ta sanh khởi lòng tin, đoạn nghi sanh tín, tăng trưởng tín tâm đối với pháp môn Niệm Phật, giúp họ thành tựu trong một đời. Đây là mục đích viết Sớ Sao của lão nhân gia, chính là vì tự lợi, lợi tha.

**(Sớ) Phu kiến giả.**

**(疏) 膚見者。**

*(Sớ: Kiến giải hời hợt).*

“Phu kiến” (kiến giải ngoài da) là thiển kiến (kiến giải nông cạn), đây là cách nói khiêm hư [của Liên Trì đại sư].

**(Sớ) Cơ phu tại biểu, sở nhập bất thâm, dụ thiển kiến dã.**

**(疏) 肌膚在表，所入不深，喻淺見也。**

*(Sớ: Da thịt ở bên ngoài, sở nhập chẳng sâu, [dùng hình ảnh này] để sánh ví kiến giải nông cạn).*

Tỷ dụ thiển kiến.

**(Sớ) Thiển kiến hệ năng trắc Phật thâm nghĩa.**

**(疏) 淺見奚能測佛深義。**

*(Sớ: Kiến giải nông cạn thì làm sao có thể suy lường nghĩa lý sâu xa của Phật?)*

Đã là thiển kiến, mà ý nghĩa của kinh này lại quá sâu, quá áo diệu, làm sao có thể biết được? “Trắc” (測) là suy lường. Tuy chẳng thể hiểu rõ nghĩa thú rất sâu của bộ kinh này, nhưng mà như thế nào?

**(Sớ) Nhi dĩ cứu thế tâm ân, đốn vong kỳ lậu dã.**

**(疏) 而以救世心殷，頓忘其陋也。**

*(Sớ: Nhưng do tâm cứu đời tha thiết, nhanh chóng quên mất chính mình thô hèn).*

Đây là đại sư nói khiêm hư: Tuy chính mình kiến giải chẳng sâu, chẳng thấy tường tận, trọn vẹn, nhưng tâm lợi người rất thiết tha, cho nên cũng quên phứt những khuyết điểm của chính mình. Ý nghĩa là như vậy đó!

**(Diễn) Cơ phu tại biểu, sở nhập bất thâm giả, Sơ Tổ dục phản Thiên Trúc, mạng môn nhân viết: “Nhữ đẳng tận ngôn sở đắc”.**

(演)肌膚在表，所入不深者。初祖欲返天竺，命門人曰，汝等盡言所得。

(Diễn: “*Da thịt ở bên ngoài, sở nhập chẳng thâm*”: *Sơ Tổ (Bồ Đề Đạt Ma) sắp quay về Thiên Trúc, bảo các môn nhân: “Các ông hãy nói hết những gì mình đã đạt được”*).

Đây là một công án. “*Công án*” (公案) là một danh từ trong Phật học, nói theo cách bây giờ thì là “*cố sự*” (故事: câu chuyện cũ), tức chuyện trong quá khứ, nhưng chuyện này là chuyện thật sự xảy ra. “*Sơ Tổ*” là Đạt Ma Tổ Sư, tức Sơ Tổ của Thiền Tông. Khi Ngài sắp trở về, bảo các đệ tử: “Các ông thân cận ta đã nhiều năm dường ấy, chính mình hãy nói xem rốt ráo các ông đã đạt được những gì?”

(Diễn) *Đạo Phó đối viết.*

(演) 道付對曰。

(Diễn: *Đạo Phó thưa.*)

Đạo Phó là tên một môn đệ của Tổ Sư.

(Diễn) “*Như ngã sở kiến, bất chấp văn tự, bất ly văn tự, nhi vi đạo dụng*”.

(演) 如我所見，不執文字，不離文字，而為道用。

(Diễn: “*Như con thấy thì chẳng chấp vào văn tự, chẳng lìa văn tự là tác dụng của đạo*”).

Đây là tâm đắc, là kiến giải của Ngài. Theo thầy đã nhiều năm như thế, Ngài thấu hiểu một điều “*tức văn tự, ly văn tự*” [nghĩa là] chẳng chấp trước văn tự chính là lìa tướng văn tự. “*Bất ly văn tự*” chính là dùng văn tự, chẳng bỏ lìa văn tự.

Văn tự là kinh điển. Kinh điển có cần thiết hay không? Cần chứ! Hằng ngày đọc kinh điển, nhưng hằng ngày chẳng chấp trước kinh điển. Điều này chẳng dễ dàng! Nhưng Tổ Sư nói như thế nào? Khá lắm! Ông có tâm đắc đấy!

(Diễn) *Tổ viết: “Nhữ đắc ngã bì”.*

(演) 祖曰：汝得我皮。

(Diễn: *Tổ nói: “Ông được phần da của ta”*).

Ông chỉ hiểu được một chút bên ngoài, ở ngoài da.

**(Diễn) Ni Tổng Trì viết:**

**(演) 尼總持曰。**

**(Diễn: Ni sư Tổng Trì nói).**

“Ni” là tỳ-kheo-ni, pháp danh là Tổng Trì.

**(Diễn) “Ngã kim sở giải, như Khánh Hỷ kiến A Súc Phật quốc, nhất kiến cánh bất tái kiến”.**

**(演) 我今所解，如慶喜見阿閼佛國，一見更不再見。**

**(Diễn: Sự hiểu biết của con hiện nay giống như ngài A Nan thấy cõi nước của A Súc Phật, đã thấy rồi thì chẳng còn thấy nữa).**

Khánh Hỷ là tôn giả A Nan. Tâm đắc của vị tỳ-kheo-ni này còn mạnh hơn ngài Đạo Phó một chút, bà ta nêu tỉ dụ: [Trong Duy Ma Cật Sớ Thuyết Kinh], tôn giả A Nan nương vào sức thần thông của Thích Ca Mâu Ni Phật thấy được cõi nước của A Súc Phật ở phương Đông. “*Nhất kiến cánh bất tái kiến*”, quý vị phải hiểu, “*nhất kiến*” là thấy bằng tánh Thấy, “*tái kiến*” là thấy bằng Nhãn Thức. Cảnh giới này cao hơn cảnh giới trước (cảnh giới của ngài Đạo Phó). Trong cảnh giới trước, thụ dụng chưa chân thật, cảnh giới này là thụ dụng chân thật.

**(Diễn) Tổ viết: “Nhữ đắc ngã nhục”.**

**(演) 祖曰：汝得我肉。**

**(Diễn: Tổ nói: “Bà được phần thịt của ta”).**

Tỷ dụ sâu hơn một tầng nữa, nhưng hai thứ này đều gọi là “*cơ phu*” (da dẻ). Thấy và nhập chưa sâu!

**(Diễn) Đạo Dục viết: “Tứ Đại bốn không, Ngũ Âm phi hữu, nhi ngã kiến xứ, vô nhất pháp khả đắc”.**

**(演) 道育曰：四大本空，五陰非有，而我見處，無一法可得。**

**(Diễn: Đạo Dục nói: “Tứ Đại vốn là Không, Ngũ Âm chẳng có, nhưng theo chỗ con thấy, không có pháp nào để có thể đạt được”).**

Quý vị hãy suy nghĩ, cảnh giới này giống như là Tâm Kinh đã nói: Đã có trí huệ kha khá, “*chiếu kiến Ngũ Uẩn giai không*”. Lại giống như Lục Tổ đã nói: “*Bổn lai vô nhất vật, hà xứ nhạ trần ai*” (Vốn chẳng có một vật, nào sợ nhuốm bụi trần).

**(Diễn) Tổ viết: “Nhữ đắc ngô cốt”.**

**(演) 祖曰：汝得吾骨。**

**(Diễn: Tổ nói: “Ông được phần xương của ta”).**

Xương ở bên trong. Vị này đã đụng đến xương, hình dung kiến giải đã sâu, thấu hiểu rất sâu.

**(Diễn) Tối hậu, Huệ Khả lễ bái.**

**(演) 最後慧可禮拜。**

**(Diễn: Cuối cùng, Huệ Khả lễ bái).**

Huệ Khả là truyền pháp Nhị Tổ, chặt tay cầu pháp, Ngài nói như thế nào?

**(Diễn) Y vị nhi lập.**

**(演) 依位而立。**

**(Diễn: Đứng yên tại chỗ).**

Ngài Huệ Khả chẳng nói câu nào. Hỏi Ngài, Ngài lay xong, vẫn đứng tại chỗ, chẳng nói câu nào.

**(Diễn) Tổ viết: “Nhữ đắc ngã tủy”.**

**(演) 祖曰：汝得我髓。**

**(Diễn: Tổ nói: “Ông được phần tủy của ta”).**

Truyền địa vị Tổ Sư cho Ngài (Huệ Khả). Ngài không nói một câu nào, càng cao hơn những người trước đó. Sự thấu hiểu của Ngài triệt để nhất, viên mãn nhất. Vì sao? Thật sự đạt được tâm thanh tịnh, chẳng sanh mây niệm. Những vị trước đó còn khởi một niệm, nhưng Ngài thì một niệm chẳng sanh. Bát Nhã thật sự là “*ngôn ngữ dứt bặt, tâm hành xứ diệt*”. “*Khai khẩu tiện thác, động niệm tức quai*” (mở miệng liền trật, dấy niệm liền sai). Ngài chẳng mở miệng, chẳng động niệm, Đạt Ma Tổ Sư ấn chứng

cho Ngài, Ngài đã đạt được tinh túy của Phật pháp. Do vậy, truyền địa vị Tổ Sư cho Ngài.

**(Diễn) Kim ngôn phu giả, vị sở kiến thậm thiên dã.**

**(演) 今言庸者，謂所見甚淺也。**

**(Diễn: Nay nói đến “da”, hàm ý: Sở kiến quá nông cạn).**

Liên Trì đại sư dùng tỷ dụ này, chính mình khiêm hư, nói kiến giải của chính mình rất nông cạn. Chúng ta đọc Sớ Sao, rốt cuộc kiến giải của Liên Trì đại sư có nông cạn hay không? Nếu kiến giải của Ngài nông cạn thì chúng ta hồ thẹn quá. Ngài còn có thể hiểu đến phần “da thịt”, nhưng chúng ta còn chưa mò tới ngoài rìa! Điều này thật đáng răn dè! Sự khiêm hư cung kính của đại sư cũng đáng cho chúng ta học tập.

Đạo nghiệp chẳng thể thành tựu, mấu chốt là do sự thừa; hy vọng các đồng tu đặc biệt chú ý điều này! Từ xưa đến nay, không có sự thừa mà có thể thành tựu, chắc chắn chẳng thể nào được! Sự thừa chắc chắn chẳng thể miễn cưỡng, đó là duyên phận. Chúng ta cầu học có thể thành tựu hay không, nhất định phải hỏi chính mình: Tâm ta đối với thầy được mấy phần cung kính? Án Quang đại sư dạy chúng ta: “*Một phần thành kính được một phần lợi ích, hai phần thành kính được hai phần lợi ích*”.

Chúng ta vừa mới nói đến một đoạn công án trong sách Diễn Nghĩa, bốn người sở đắc bất đồng, chắc chắn chẳng phải do Đạt Ma Tổ Sư giáo hóa khác nhau, chẳng bình đẳng, mà là do bốn người đối với thầy có tâm cung kính khác nhau! Một phần cung kính được một phần lợi ích, hai phần cung kính được hai phần lợi ích, mười phần cung kính được mười phần lợi ích. Do vậy, chúng ta tìm thầy ở nơi đâu? Tìm người nào? Tìm người nào trong tâm quý vị cung kính nhất, kính ngưỡng nhất, quý vị đến bái người đó làm thầy, sẽ có thâm hoạch viên mãn. Nếu đối với thầy chẳng cung kính, dù học vấn và đạo đức của vị thầy ấy tốt đẹp đến đâu đi nữa, quý vị theo vị ấy học suốt đời cũng chẳng đạt được gì!

Trong tương lai quý vị có thành tựu, muốn ra ngoài hồng pháp lợi sanh. Ví như Lục Tổ, học trò của Lục Tổ đại sư sau khi đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh trong hội của Ngài, Ngài thường bảo họ ra ngoài hồng hóa một phương, đến nơi đâu vậy? Đến địa phương nào mới là đạo tràng để người ấy hồng hóa? Nói cách khác, chỗ nào có duyên với người ấy? Phải coi người ở nơi ấy có mấy phần cung kính đối với người ấy; giả sử có hai nơi, một nơi cũng rất cung kính, nơi kia cung kính hơn một chút, phạm là chúng sanh đối với người ấy có tâm cung kính thật sự, có tâm

cung kính mười phần, nhân duyên của người ấy quyết định là ở nơi đó. Người ấy chẳng có tâm phân biệt. Đây tức là nói: Đạo là do cung kính mà có, tuyệt đối chẳng phải là thầy mong người khác cung kính mình, [nếu hiểu là thầy mong ta cung kính] thì sai mất rồi! Cung kính gì vậy? Cung kính tự tánh của thầy. Do cung kính là Tánh Đức, nó là lương tri lương năng trong bản tánh của quý vị, gặp duyên bên ngoài sẽ dễ phát khởi, Phật pháp gọi nó là “*công đức xưng tánh*”. Đạo lý là như vậy đó!

Lúc mới học bèn chọn lựa thầy, sau khi thành tựu phải chọn lựa đạo tràng, đều kiến lập trên cái tâm cung kính. Chính quý vị đã thành tựu rồi, nhưng lòng cung kính đối với hết thầy chúng sanh nhất định là bình đẳng. Chỉ có chúng sanh chẳng cung kính Phật, Bồ Tát, chứ không có vị Phật, Bồ Tát nào chẳng cung kính chúng sanh. Phật, Bồ Tát đối với chúng sanh bình đẳng, chúng sanh đối với Phật, Bồ Tát chẳng bình đẳng. Do vậy, họ mới là chúng sanh, vì chúng sanh dùng cái tâm phân biệt, Phật, Bồ Tát dùng cái tâm bình đẳng; họ dùng cái tâm khác nhau. Vì thế, chúng sanh ở nơi nào kiền thành cung kính như vậy thì họ tương ứng với Tánh Đức của cái tâm bình đẳng, đã tương ứng thì đương nhiên phải giúp đỡ họ trước, khiến cho họ được thành thực sớm hơn một chút. Đây là điều chúng ta cần phải biết khi mới học và khi hoằng hóa trong tương lai. Từ xưa đến nay, những vị đại thiện tri thức không có vị nào chẳng như vậy. Đức Phật giáng sanh trong thế gian này cũng phải chọn lựa nơi chốn, vì sao? Chọn nhằm nơi nào đó, người ta chẳng tin tưởng và cung kính Ngài, Ngài giáng thế nơi đó vô ích, chẳng khởi tác dụng. Chọn lựa một nơi nào tôn sư trọng đạo, thật sự có lòng chí thành cung kính đối với sư đạo để thị hiện thì mới có thể khởi tác dụng, thật sự có thể hóa độ chúng sanh.

**(Sớ) *Tâm tư giả, tâm chi quan tắc tư.***

**(疏) 心 思 者 ， 心 之 官 則 思 。**

**(Sớ: “*Tâm tư*”: Công năng của tâm là suy nghĩ).**

Giải thích chữ “*tâm tư*” trong câu “*kiệt tận tâm tư*” [trong lời Tựa] ở phần trước, trọn hết năng lực tư duy của chính mình, toàn bộ những gì chúng ta có thể suy tưởng được đều dâng hiến, nhất định chẳng giữ lại điều nào. Nói cách khác, đối với bộ kinh này, những ý nghĩa mà Ngài (Liên Trì đại sư) đã liễu giải, đã thấu hiểu đều giải bày trọn vẹn, chẳng giấu diếm mảy may nào, mà là dâng hiến toàn bộ. Đoạn tiếp theo này nhằm giải thích tâm tư là “*tâm chi quan tắc tư*”. Chữ “*tâm*” này không phải là quả tim của chúng ta, tim không có công năng tư duy. Hiện thời

chúng ta thường nói tư duy bằng não, thật ra, chẳng phải là não! Nếu não có thể tư duy thì người vừa mới chết, não còn chưa hư, sao không tư duy? Nếu nó có thể suy nghĩ thì chẳng gọi người ấy là người chết. Do vậy, chẳng phải là não tư duy. Chữ Tâm ở đây chỉ tám thức, tám thức đều có công năng tư duy, A Lại Da, Mạt Na, thức thứ sáu, năm thức trước. Tiếp theo đây, Ngài nêu một thí dụ.

**(Sớ) Nghiêu Thuấn chi thánh, thượng kiệt tâm tư, ngã hà nhân tư, dung khả hốt dã.**

**(疏) 堯舜之聖，尚竭心思，我何人斯，庸可忽也。**

**(Sớ: Nghiêu Thuấn là thánh nhân mà còn phải dốc cạn tâm tư, tôi là hạng người như thế nào mà dám dễ dãi [chẳng suy nghĩ cẩn kẽ]).**

Vua Nghiêu, vua Thuấn là thánh vương khai quốc trước nhất của dân tộc Trung Hoa, là những đại thánh nhân, các Ngài còn phải dốc sạch tâm tư tạo phước cho trăm họ. Thánh nhân mà còn như thế, chúng ta là phạm phu, là hạng người tầm thường, làm sao chẳng thể dụng tâm? Câu này có ý nghĩa như vậy đó!

**(Diễn) Nghiêu Thuấn thượng kiệt tâm tư giả, Thư vân.**

**(演) 堯舜尚竭心思者，書云。**

**(Diễn: “Nghiêu, Thuấn còn phải dốc cạn tâm tư”: Kinh Thư chép).**

“Thư” là kinh Thư trong Ngũ Kinh, tức là sách Thượng Thư.

**(Diễn) Nghiêu Thuấn chi đạo, bất dĩ nhân chánh, bất năng bình trị thiên hạ.**

**(演) 堯舜之道，不以仁政，不能平治天下。**

**(Diễn: Đạo của Nghiêu Thuấn là nếu chẳng cai trị bằng lòng nhân sẽ chẳng thể bình trị thiên hạ).**

“Đạo” là căn cứ lý luận, là phương pháp và chánh sách để cai trị quốc gia của họ. “Nhân chánh”: “Nhân” (仁) là suy từ mình mà nghĩ đến người, luôn luôn nghĩ thay cho trăm họ, đó là “nhân chánh” (cai trị bằng lòng nhân). Như thường nói “thôi kỷ cập nhân” (suy từ mình mà nghĩ đến người), “kỷ sở bất dục, vật thi ư nhân” (điều gì chính mình chẳng muốn, đừng áp đặt lên người khác), đó là thực hành “nhân chánh”. Sách Tả

Truyện<sup>1</sup> viết: “*Quốc chi tương hưng, thịnh ư dân*” (đất nước sẽ hưng thịnh nếu [nhà cầm quyền] nghe theo ý dân), nghe theo ý kiến của dân chúng, quốc gia sẽ cường thịnh, sẽ hưng vượng. “*Quốc chi tương vong, thịnh ư thần*” (Nước nhà sẽ mất nếu nghe theo lệnh thần), chuyện gì cũng nghe theo lệnh thần thánh, quốc gia ấy chắc chắn diệt vong!

Chư vị đồng tu phải nhớ: Chúng ta hiện thời có nhiều người chẳng nghe theo lời của con người, mà nghe theo lời thần thánh, chuyện gì cũng phải van vái, thậm chí đoán mạng, xem tướng, coi Phong Thủy, luôn nghe theo những thứ ấy. Nếu một gia đình nghe theo những thứ đó, nhà ấy nhất định sẽ suy sụp nhanh chóng. Nếu mình quý vị nghe theo những thứ đó, cá nhân quý vị chẳng có tương lai. Vì sao? Toàn bộ vận mạng của quý vị bị quỷ thần khống chế, bị họ xếp đặt, tự mình chẳng thể làm chủ được! Nếu quý vị muốn bản thân phát đạt, gia đình hưng vượng thì chính mình phải làm chủ tể. Một nhà hưng vượng thì phải nghe theo ý kiến của người trong gia đình, gia đình ấy mới có thể hòa thuận. Một đoàn thể hưng vượng, phải tôn trọng ý kiến của đại chúng trong đoàn thể thì đoàn thể sẽ hưng vượng. Nghe theo lời thần, để thần xếp đặt, chắc chắn sẽ hỏng việc, đây là lời dạy của cổ thánh tiên hiền.

“*Nhân chánh*” thì phải nghe dân, tức là nghe ý kiến của bá tánh, chuyện gì cũng đều phải trao đổi với dân chúng. Do vậy, “*bất dĩ nhân chánh, bất năng bình trị thiên hạ*” (chẳng cai trị dân bằng lòng nhân, chẳng thể bình trị thiên hạ). “*Bình*” (平) là công bằng, “*trị*” (治) là cai trị. [Bình trị là] cai trị thiên hạ công bằng, hợp tình, hợp lý, đúng cách, nay chúng ta gọi là “*nhân quyền*”. Quý vị phải hiểu: Từ xưa đến nay, những vị cổ thánh tiên hiền của Trung Quốc đều tôn trọng quyền lợi của dân. Trong số các hoàng đế của lịch sử Trung Quốc, nói thật ra những kẻ chuyên chế không có mấy người, tuyệt đại đa số là tôn trọng dân quyền, những người nghiên cứu chế độ chánh trị của Trung Quốc đều biết điều này.

**(Diễn) Hựu viết: *Ký kiệt tâm tư yên, kế chi dĩ bất nhân nhân chi chánh, nhi nhân phú thiên hạ hĩ.***

---

<sup>1</sup> Tả Truyện (tên gọi đầy đủ là Xuân Thu Tả Thị Truyện), còn gọi là Tả Thị Xuân Thu, vốn là một bộ biên niên sử cổ của Trung Quốc nhằm chú giải kinh Xuân Thu do sử quan nước Lỗ là Tả Khâu Minh biên soạn. Nội dung sách lấy kinh Xuân Thu (do Khổng Tử san định làm gốc), thu thập các sự kiện từ các bộ sử khác như Châu Chí, Tấn Thù, Trịnh Thư, Sở Ngột, chủ yếu ghi chép những sự kiện lịch sử trong thời Xuân Thu.

(演)又曰：既竭心思焉，繼之以不忍人之政，而仁覆天下矣。

(Diễn: Lại còn chép: “Đã dốc cạn tâm tư, lại còn cai trị bằng chánh sách chẳng tàn nhẫn đối với con người, lòng nhân trùm khắp thiên hạ vậy!”)

Những người lãnh đạo dân chúng nhất định phải dốc cạn tâm tư, chỉ sợ chính mình chưa suy nghĩ chu đáo khiến cho bá tánh chịu khổ. Do vậy, “bất nhẫn nhân chi chánh” (cai trị bằng chánh sách chẳng tàn nhẫn đối với con người), “chánh” (政) là chánh sự (政事: những sự việc thuộc vấn đề cai trị), làm cho hết thảy mọi sự đều chánh (đúng mực, chánh đáng), chánh (正) là chẳng tà, chẳng lệch lạc. “Nhân phú thiên hạ” (lòng nhân bao trùm thiên hạ), “nhân” là nhân từ, đối với mỗi một chúng sanh, đối với mỗi một người dân đều bình đẳng, nhân từ, đó là đạo của tiên vương. Nghĩ đến chỗ này, cổ thánh tiên hiền đều làm như vậy, chúng ta phải nên bắt chước, họ nêu gương như vậy, là khuôn mẫu cho chúng ta.

Trong xã hội này, nếu chính chúng ta nghĩ đến cương vị, công việc của chính mình, trọn hết bổn phận của chúng ta, ai nấy đều dốc cạn tâm tư trọn hết bổn phận, lẽ đâu nước nhà chẳng hưng vượng? Nhìn từ địa vị của chính mình, luôn luôn nghĩ giùm người khác. Ví như chúng ta buôn bán, chính mình kinh doanh, nhất định phải tận hết tâm lực nghĩ giùm cho khách hàng, chúng ta nhất định bán những hàng hóa có phẩm chất chân thật, chẳng để cho khách hàng bị thua thiệt, mắc lừa. Chúng ta mua vào bán ra nhất định phải dụng tâm, phải tôn trọng người khác, phải tôn trọng xã hội, phải có công hiến cho xã hội, phải tạo lợi ích cho đại chúng. Đây là Bồ Tát, thương nhân ấy chính là Bồ Tát thương nhân. Chúng ta làm thợ, những sản phẩm cũng nhất định phải chân thật, nhất định chớ nên làm quấy quá, ăn bớt vật liệu, đó là Bồ Tát công nhân. Cho đến làm người nội trợ trong gia đình cũng phải dốc cạn tâm tư, đối với người già trẻ nhỏ trong gia đình đều chiều cố, khiến cho họ thân tâm đều an ổn, đó là Bồ Tát nội trợ. Có điều gì nghĩ chẳng chu đáo, chưa nghĩ tới, chính mình phải nên tự trách, tự trách là sám hối, nhất định phải sửa đổi cho tốt đẹp hơn!

Cùng một đạo lý ấy, Liên Trì đại sư là người xuất gia, Ngài thấy chú giải của bộ kinh này từ xưa đến nay có những chú giải quá sâu, hoặc là văn tự chú giải quá giản lược, đến nỗi công đức chẳng thể nghĩ bàn trong kinh bị ẩn khuất, chẳng thể hiển hiện, thấu lộ, khiến cho người đọc tụng chẳng thể sanh lòng tin kiên định. Chính Ngài đã nhập cảnh giới này,

nên cũng tận tâm trọn hết năng lực và công phận của chính mình hòng nêu rõ những công đức chẳng thể nghĩ bàn của kinh này cho chúng ta thấy, khiến chúng ta đọc xong, sau khi hiểu rõ sẽ sanh lòng tin, y giáo phụng hành, trong một đời này cũng có thể vãng sanh cõi Phật, Ngài đã thay Phật tuyên dương, giáo hóa chúng sanh.

Nếu chúng ta thật sự thấu hiểu ý nghĩa này, chẳng những hết thảy các kinh khác sẽ cột lại cất trên gác cao, mà còn như Liên Trì đại sư đã nói: “*Tam Tạng thập nhị bộ nhượng cấp biệt nhân ngộ, bát vạn tứ thiên hạnh nhiều dữ biệt nhân hành*” (Tam Tạng mười hai bộ dành cho kẻ khác ngộ, tám vạn bốn ngàn hạnh dành cho người khác hành). Lão nhân gia chỉ có một bộ kinh này, chỉ có một câu A Di Đà Phật, đó là hạnh môn, tâm Ngài đã định. Từ nay trở đi, hết thảy các pháp môn Ngài không còn nghe, không hỏi tới nữa, một câu A Di Đà niệm đến tột cùng, có như vậy thì mới có thể thành công. Pháp môn quý ở chỗ chuyên nhất. Chỉ có chuyên nhất thì mới có thể thành tựu. Ngài nói ra dụng ý, nhân duyên và lý do chú giải bản kinh này.

Tiếp theo đó, Ngài lại phải nói chỗ y cứ để chú giải bộ kinh này là gì? Chẳng phải là Ngài tùy tiện nói ra! Khi Thích Ca Mâu Ni Phật diệt độ, đã dạy các đệ tử chúng ta bốn nguyên tắc để y cứ (Tứ Y Pháp): Thứ nhất, y pháp bất y nhân; thứ hai, y nghĩa bất y ngữ; thứ ba, y liễu nghĩa bất y bất liễu nghĩa; thứ tư, y trí bất y thức. Liên Trì đại sư tuân thủ pháp Tứ Y của Thích Ca Mâu Ni Phật, do vậy, chẳng thể tùy tiện viết chú giải. Ngài có chỗ y cứ, y pháp bất y nhân (nuông theo pháp, chẳng dựa theo người), Ngài y pháp, pháp gì vậy? Ngài nêu ra năm bộ kinh điển chủ yếu, tức là Tịnh Độ Tam Kinh, Cổ Âm Vương Kinh và Hậu Xuất Di Đà Kệ Kinh, năm thứ này là chỗ y cứ chủ yếu. Ngoài ra, những thứ tham khảo kèm thêm hết sức nhiều, từ Sớ Sao chúng ta cũng thường thấy những kinh luận mà Ngài trích dẫn đều là những kinh luận chủ yếu trong Đại Thừa, lấy chúng làm chỗ y cứ.

Xét theo công phu, Ngài cũng có y cứ, cũng chẳng phải là nói tùy tiện, Ngài dựa theo Nhất Hạnh tam-muội của Văn Thù Bồ Tát trong hội Bát Nhã, lấy đó làm nguyên tắc chỉ đạo tối cao cho Hạnh Môn của bộ Sớ Sao này, thật sự bất phàm! Chẳng dùng kiến giải hay ý tưởng của chính mình để chú giải, chúng ta hết sức bội phục Ngài ở chỗ này. Ngoài ra, quan trọng nhất là kinh Hoa Nghiêm, nói thật ra, kinh Hoa Nghiêm và kinh này hầu như có cùng một Thể. Kinh Hoa Nghiêm đến cuối cùng cũng lấy Tây Phương Cực Lạc thế giới làm chỗ quy túc, mười đại nguyện vương của Phổ Hiền Bồ Tát dẫn về Cực Lạc, lấy Di Đà Tịnh Độ làm chỗ quy túc.

Những chỗ trích dẫn kinh Hoa Nghiêm để chứng minh trong bộ Sớ Sao này đặc biệt nhiều, những chỗ giảng đến những điều khẩn yếu hầu như đều dẫn dụng kinh Hoa Nghiêm. Hôm nay đã hết thời gian rồi, chúng tôi giảng đến chỗ này.